ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3426 /KH-UBND	*Kon Tum, ngày 11 tháng 10 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 *(Viết tắt là Quyết định số 896/QĐ-TTg)* nhằm nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và các tầng lớp Nhân dân về tầm quan trọng của Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Tập trung nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ động thích ứng nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra, nâng cao nhận thức góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức rà soát, tích hợp, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược vào nội dung quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với tình hình thực tiễn từng cấp, từng ngành, từng địa phương để triển khai thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch phải đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường hướng đến phát triển nền kinh tế bền vững.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, của mỗi người dân và toàn xã hội. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt; người dân và doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm và là chủ thể thực hiện cùng với sự tham gia hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 là cơ hội để phát triển bền vững, ưu tiên cao nhất trong các quyết sách phát triển, tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân.

- Triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế tài chính, thị trường các-bon, thúc đẩy chuyển dịch đầu tư cho phát triển kinh tế ít phát thải; phát huy nguồn lực của Nhà nước thúc đẩy thu hút các nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nguồn lực quốc tế, đẩy mạnh hợp tác công tư trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.

2. Mục tiêu

2. 1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, bảo vệ cuộc sống của Nhân dân, phòng, tránh và giảm thiểu các tác hại của biến đổi khí hậu; chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đến năm 2030:

+ Thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI. Trong đó: Trồng mới được 15.000 ha rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có, trọng tâm là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; nâng độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh lên 64,0%.

+ Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thuỷ sản bền vững; kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

+ Bảo đảm ít nhất 95% hộ gia đình ở khu vực nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.

+ Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

+ Bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có

nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu nước ngập.

- Đến năm 2050:

+ Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao.

+ Tiếp tục duy trì độ che phủ rừng đạt 64%, tập trung nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái.

+ Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm 100% tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

+ Bảo đảm 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở đảm bảo an toàn; tăng cường khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn trước tác động của biến đổi khí hậu.

b) Giảm phát thải khí nhà kính:

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Các cơ sở trên địa bàn tỉnh có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 2.000 tấn CO2tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia đạt mức phát thải ròng bằng “0”. Các cơ sở trên địa bàn tỉnh có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 200 tấn CO2tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên: Rà soát, tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước

của các ngành; cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, tăng cường các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước; quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản chưa khai thác và bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm trong khai thác; khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, tăng cường cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nông nghiệp và an ninh lương thực: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy mô và cơ cấu sản xuất phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thuỷ sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái và góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Rừng và các hệ sinh thái: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp, trọng tâm là Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh[(1)] và các văn bản liên quan; phát triển lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật có sự thống nhất giữa quản lý, bảo vệ, phát triển rừng với sử dụng rừng, chế biến, thương mại lâm sản và các dịch vụ hệ sinh thái rừng trên cơ sở có sự tham gia của các bên có liên quan, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát huy tiềm năng về khí hậu, đất đai và lợi thế so sánh; ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại và đổi mới, sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị tổng hợp của rừng; đẩy mạnh việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng theo cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng; tập trung bảo vệ và

---

[1] Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

hạn chế tối đa chuyển đổi rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên; đẩy mạnh phục hồi và nâng cao chất lượng và khả năng phòng hộ của rừng phòng hộ đầu nguồn; củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, đánh giá và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; tăng tỷ lệ cây xanh tại các đô thị. Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học; tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản liên quan

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu: Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Y tế và sức khỏe: Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu; xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng, nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới:

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân; nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

b) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

- Dự báo và cảnh báo sớm: Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, động đất, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với bão, mưa, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất; hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu, thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tỉnh về biến đổi khí hậu; vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông quốc gia.

- Công trình phòng chống thiên tai: Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến

đổi khí hậu, các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của do thiên tai và khí hậu cực đoan gây ra. Xây dựng và nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; kết hợp các giải pháp công trình và phi công trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và tối ưu hóa nguồn lực phát triển. Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán.

- Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu: Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, tai biến địa chất; nâng cao năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

2. Về giảm phát thải khí nhà kính

a) Nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính

- Đến năm 2030:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 giảm 30% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2020. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đến năm 2050:

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2050 giảm 40% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2030. Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2050. Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày trở thành vấn đề đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của các tổ chức, doanh nghiệp.

b) Giảm phát thải khí nhà kính theo lĩnh vực

- Lĩnh vực năng lượng:

+ Về cung cấp năng lượng: Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nghiên cứu phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ có chọn lọc, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; khuyến khích, thu hút đầu tư, nâng công suất các nhà máy điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, điện gió, điện sinh khối, thủy điện... trên địa bàn tỉnh; tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng.

+ Về sử dụng năng lượng: Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng. Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải thông qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan trong trồng trọt, chăn nuôi; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hoá học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp....; phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; áp dụng các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

- Lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất: Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính; phát triển, nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp thông qua trồng bổ sung cây lâm nghiệp, cây gỗ để tăng hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất, ưu tiên các vùng đất dốc.

- Lĩnh vực chất thải: Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải; áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan.

3. Rà soát và cập nhật Kế hoạch, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

a) Rà soát, cập nhật Chiến lược về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính

Tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu Chiến lược về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính vào nội dung quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm

2021 về ban hành Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và đánh giá khí hậu tỉnh Kon Tum *(Viết tắt là Quyết định số 187/QĐ-UBND)*; Kế hoạch số 3156/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 về triển khai Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kon Tum *(Viết tắt là Kế hoạch số 3156/KH-UBND)*; Chương trình hành động số 815/CTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 về thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị *(Viết tắt là Chương trình số 815/CTr-UBND)*.

b) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trước tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường …; xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng; cập nhật kiến thức về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm phát thải khí nhà kính vào chương trình giáo dục phổ thông; thúc đẩy lối sống thân thiện khí hậu góp phần hình thành lối sống văn minh, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

+ Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình cộng đồng giảm phát thải khí nhà kính. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ các sở, ban, ngành, địa phương về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Phát triển đội ngũ về kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, quy định trong nước và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên.

d) Phát triển khoa học và công nghệ

- Tiếp nhận các nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; xây dựng danh mục công nghệ sạch, phát thải ít các-bon trong các ngành sản xuất để thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và huy động đầu tư.

- Lồng ghép nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện của tỉnh Kon Tum. Ưu tiên nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

- Rà soát, bổ sung, xây dựng các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền của tỉnh, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, người dân thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Hằng năm, rà soát, lập kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm phân bổ và sử dụng hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với pháp luật Việt Nam, yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thoả thuận Paris và các cơ chế tài chính quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phát triển và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính với các nước, các đối tác, tổ chức quốc tế trong khuôn khổ hợp tác Ủy hội Sông Mê Công; thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo và có giải pháp ứng phó phù hợp với tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu. Định kỳ cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu, các báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050 bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn của tổ chức, cá nhân, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Đối với nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; đồng thời, lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan và nguồn huy động đóng góp từ tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Làm cơ quan đầu mối, theo dõi, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050 và tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai và giám sát, đánh giá giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch về giảm nhẹ khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 187/QĐ-UBND, Kế hoạch số 3156/KH-UBND, Chương trình số 815/CTr-UBND.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum theo định kỳ 10 năm cấp tỉnh.

- Hằng năm triển khai các kế hoạch, hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực, kiến thức của các cán bộ công chức các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng về biến đổi khí hậu và thiên tai; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ ngành trung ương liên quan theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì thực hiện việc rà soát, tích hợp, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 vào nội dung quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí vốn đầu tư công cho các đơn vị, địa phương liên quan để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 187/QĐ-UBND, Kế hoạch số 3156/KH-UBND, Chương trình số 815/CTr-UBND theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các quy định có liên quan và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu vào các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển ngành, địa phương; đồng thời tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông tin về Chiến lược đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng.

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, cân đối, bố trí kinh phí hằng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này và các Chương trình, Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 187/QĐ-UBND, Kế hoạch số 3156/KH-UBND, Chương trình số 815/CTr-UBND.

- Tổ chức triển khai và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch theo thẩm quyền; ưu tiên bố trí ngân sách cho các hoạt động triển khai thực hiện Chiến lược.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu tại các ngành, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050, đề nghị các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.NVH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Nguyễn Hữu Tháp